

Bối cảnh và những mô tả lịch sử về

Thích Trí Quang

Nguyễn Thùy An

An Thuy Nguyen, “ *Third Force: South Vietnam’s Urban Opposition to the Nixon Doctrine in Asia (1969-1973)* ” [Lực Lượng Thứ Ba: Đô Thị Miền Nam Việt Nam Chống Học Thuyết Nixon ở Á Châu],” PhD Dissertation [Luận án Tiến sĩ], 2023, Đại học Maine, Hoa Kỳ.
Trích đoạn từ trang 193-209.

Người dịch : **Nguyễn Thùy An**

Thiền sư Thích Trí Quang (1923-2019) tên thật là Phạm Quang. Ông sinh năm 1923 tại Quảng Bình, là con thứ tư trong một gia đình Phật tử có sáu anh em. Một trong những người em của ông, Phạm Chánh, là một cán bộ Việt Minh đã hy sinh khi chiến đấu với Pháp. Năm 1938, theo nguyện vọng của mẹ, Phạm Quang nối bước một người anh trai và xuất gia ở tuổi mười lăm. Trong sáu năm tiếp theo, ông tu tập với Hòa thượng Thích Trí Độ (1894-1979) tại Phật học đường Báo Quốc.¹ Năm 1943, Phạm Quang là một trong sáu học tăng hoàn thành xuất sắc hai cấp độ đào tạo sơ đẳng và trung đẳng để học lên cấp cao nhất của Phật học đường lúc bấy giờ.²

¹ Dương Thanh Mừng, “Phong trào Chấn Hưng Phật Giáo Miền Trung Việt Nam (1932-1951)”, Luận án Tiến sĩ., (Trường Đại Học Sư Phạm, Đại Học Huế, 2017), 70.

² Thích Trí Quang, *Trí Quang Tự Truyện* (TPHCM: NXB Tổng hợp TPHCM, 2011), 3; Thích Trí Quang, *Tăng Già Việt Nam* (Los Angeles: Phú Lâu Na, 1986), 5-6. Năm vị còn lại là các thiền sư tương lai Thích Thiện Siêu (Thích

Một năm sau, vị sư trẻ – nay được biết đến với Pháp hiệu Thích Trí Quang – tốt nghiệp với điểm số cao nhất và trở thành giảng sư có uy tín trong giới trí thức qua các Phật Học Đường cũng như các tạp chí Phật giáo có tiếng. Cộng tác với ông lúc ấy có nhà sư trí thức xuất gia Thích Minh Châu (1918-2012), sau này là bạn đồng môn với nhà sư Thích Thiện Châu (1931-1998) tại Đại học Nalanda. Đây là hai nhân vật có ảnh hưởng lớn đến sinh viên Phật giáo miền Nam trong nước và ở hải ngoại những năm 1960 và đầu thập niên 1970.³

Cho đến thời điểm 1963, Thích Trí Quang đã có nhiều đóng góp cho các tạp chí Phật học, dịch nhiều bộ kinh Phật sang chữ quốc ngữ, và ngày càng giữ những vị trí quan trọng trong giới lãnh đạo Phật giáo miền Trung. Trong Biên cố Phật giáo 1963, Thích Trí Quang nổi lên với tư cách là nhà lãnh đạo tinh thần quan trọng nhất của Phật tử ở Huế, và sau này là trên khắp miền Nam Việt Nam. Người dân được thu hút bởi tuổi trẻ, sự thông minh, phong thái lôi cuốn nhưng kiên quyết, những bài phát biểu hiếm hoi nhưng mạnh mẽ, và lập trường không hề nao núng khi giao tiếp với chính quyền của Thích Trí Quang, cũng như việc ông sẵn sàng tham gia vào các cuộc tuyệt thực rộng rãi. Một trong những người bạn và đệ tử của ông, Giáo sư Khoa học Chính trị người Pháp gốc Việt Cao Huy Thuần, mô tả cuộc gặp gỡ đầu tiên với Trí Quang vào năm 1963 như là một khoảnh khắc hưng phấn và đầy cảm hứng, “giống như cảm giác yêu từ cái nhìn đầu tiên vậy”.⁴

Báo chí ôn hòa và tiến bộ ở Sài Gòn cũng không ngần ngại ca ngợi Thích Trí Quang, ngay cả sau năm 1966, khi ông đã ít nhiều rút lui khỏi vị trí tiên phong trên chính trường miền Nam. Mỗi lời nói, mỗi bước đi của vị Thượng tọa đều có thể trở thành cảm hứng cho các bài báo, các tiêu đề dự báo những diễn biến tiềm ẩn liên quan đến lập trường chính trị của Phật giáo

Trí Đức, 1921-2001), Thích Trí Tịnh (1917-2014), Thích Thiện Minh (Thích Trí Nghiễm, 1921-1978), Thích Trí Thuyên (1923-1947), và Cư sĩ Nguyễn Chí Quang (?).

³ Thích Trí Quang, *Trí Quang Tự Truyện*, 5-6.

⁴ Cao Huy Thuần, buổi trò chuyện cùng tác giả, 20 tháng 4, 2022.

miền Nam trong giai đoạn này. Cả người Mỹ và người Việt đều hiểu rằng bất kỳ chính trị gia nào được Thích Trí Quang ủng hộ cũng sẽ nhất định trở thành một ứng cử viên đáng gờm cho các vị trí quyền lực ở miền Nam Việt Nam. Cho đến khi chiến tranh kết thúc, chỉ duy nhất một người đạt được vinh dự đó: Đại tướng Dương Văn (Big) Minh, người đã lãnh đạo thành công cuộc lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm năm 1963. Trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, sự ủng hộ của Thượng tọa Trí Quang đã giúp Tướng Minh trở thành Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), góp phần đảm bảo một cuộc chuyển giao quyền lực tương đối không đổ máu ở Đô thành vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Không có gì ngạc nhiên khi sự nổi tiếng áp đảo của Thích Trí Quang trong lòng công chúng lại đi kèm với thái độ khinh thị và nghi ngờ từ các quan chức Sài Gòn và Hoa Kỳ. Tương tự việc chính quyền Ngô Đình Diệm khẳng định rằng vụ thảm sát tại Đài Phát thanh Huế vào ngày 8 tháng 5, năm 1963 là do những người Cộng sản gây ra, những người theo ông Diệm cũng cáo buộc các nhà lãnh đạo Phật giáo tranh đấu, đặc biệt là Trí Quang, là tay sai của phía Cộng sản. Lập luận này tồn tại rất lâu sau khi chiến tranh kết thúc và nhận được sự ủng hộ từ cả những thành phần chống cộng cực đoan, lẫn các nhà sử học theo chủ nghĩa xét lại, như Mark Moyar.⁵

Trái lại, các quan chức Mỹ chưa bao giờ nghi ngờ “tư tưởng chống Cộng” của Thích Trí Quang. Trong một báo cáo năm 1964, Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA) xác nhận rằng họ không coi vị sư cực kỳ nổi tiếng này “là một bù nhìn Cộng sản hay một điệp viên Cộng

⁵ Một số ví dụ có thể kể đến là Marguerite Higgins, *Our Vietnam Nightmare* [Ác Mộng Việt Nam của Chúng Ta], (New York: Harper & Row, 1965); Mark Moyar, *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954–1965* [Chiến Thắng Bị Từ Bỏ: Chiến Tranh Việt Nam, 1954-1975], (Cambridge: Cambridge University Press, 2006); Liên Thành, *Thích Trí Quang: thần tượng hay tội đồ dân tộc?* (California: Ủy ban truy tố Tội ác Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2013). Ví dụ, Higgins đã miêu tả các nhà sư Phật giáo, trong đó có Trí Quang, là “những thành viên cộng sản nằm vùng”. Trong khi đó, Liên Thành nguyên là Đại tá Lực lượng Cảnh sát Đặc biệt VNCH và giữ chức Phó Cảnh sát trưởng Thừa Thiên vào thời điểm Phật giáo nổi dậy năm 1966. Trong nhiều năm, Thành đã phát động nhiều cuộc tấn công chống lại Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và Thích Trí Quang, tố cáo cả hai là bù nhìn của Cộng sản.

sản có ý thức”.⁶ Tuy nhiên, Trí Quang vẫn là một mối nguy hiểm và là mối phiền toái đối với “phe chống cộng”, vì CIA coi ông là “một người theo chủ nghĩa dân tộc cuồng tín, chống Công giáo mạnh mẽ, và có xu hướng coi người Công giáo là mối nguy hiểm trước mắt còn lớn hơn cả những người Cộng sản”. Mô tả của Langley về Trí Quang như một “kẻ thao túng chính trị đầy tham vọng, khéo léo, tàn nhẫn, và một kẻ mị dân bẩm sinh” không chỉ mâu thuẫn với các giá trị Phật giáo, mà còn khác xa hình ảnh thực tế của Trí Quang trong trái tim và khối óc của phần đông Phật tử miền Nam lúc bấy giờ.⁷

Tương tự tuyên bố vô căn cứ về mối quan hệ mật thiết giữa Thích Trí Quang và những người Cộng sản, bức chân dung này về vị lãnh tụ Phật giáo cũng liên tục được củng cố sau chiến tranh bởi những người chống đối ông, cũng như bởi các tài liệu lịch sử gần đây. Đáng chú ý nhất, trong bài báo “Ở Việt Nam, Chỉ có Tôn Giáo là Quan Trọng”, sử gia James McAllister cho rằng ngoài quan điểm ngoan cố chống Pháp, chống Diệm, Trí Quang còn là một người “chống Cộng mạnh mẽ và khá hưởng ứng việc sử dụng sức mạnh quân sự của Mỹ để chống lại Bắc Việt và Trung Quốc”.⁸ Giống như CIA, McAllister nhấn mạnh rằng hoạt động chính trị của Trí Quang về cơ bản được tiến hành “thông qua lăng kính xung đột tôn giáo giữa Phật giáo và Công giáo” và một sự ghê tởm gần như phi lý đối với Diệm, những người theo ông ta, và các chế độ kế nhiệm ông ta.⁹ McAllister đưa ra hai ví dụ để chứng minh cho lập luận này, đó là hai phiên tòa xét xử Thiếu tá Đặng Sĩ, người đã ra lệnh nổ súng giết chết tám thanh niên Phật tử vào tháng 5 năm 1963, và Ngô Đình Cẩn, em trai của Tổng thống Diệm và là người được cho là cấp trên của Sĩ.

⁶ George Carver Jr., The Motivation, Objectives, and Influence of Thích Trí Quang [Động cơ, Mục tiêu, và Ảnh hưởng của Thích Trí Quang], September 11, 1964, File CIA-RDP80R01720R000500010012-9, General CIA Records, Freedom of Information Act Electronic Reading Room, Central Intelligence Agency [Tài liệu giải mật của Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ]. <https://www.cia.gov/readingroom/docs/CIA-RDP80R01720R000500010012-9.pdf>, accessed May 1, 2023, 1.

⁷ Carver Jr., Motivation of Thích Trí Quang, General CIA Records, 5.

⁸ James McAllister, “Only Religions Count in Vietnam”: Thích Trí Quang and the Vietnam War [Ở Việt Nam, Chỉ Có Tôn Giáo là Quan Trọng]: Thích Trí Quang và Chiến Tranh Việt Nam],” *Modern Asian Studies* 42, Số 4 (2008): 751.

⁹ McAllister, “Only Religions Count,” 756.

Trích dẫn hồ sơ của Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn, McAllister xác nhận rằng Thích Trí Quang “từ chối yêu cầu khoan hồng” đối với Đặng Sĩ và Ngô Đình Cẩn khi được hỏi bởi Đại sứ Henry Cabot Lodge vào năm 1964.¹⁰

Vấn đề không ổn trong phân tích của McAllister là tác giả chỉ dựa vào hồ sơ chính thức của quan chức Mỹ, vốn chứa nhiều thành kiến chính trị và một sự hiểu biết khá hạn chế về lịch sử tôn giáo và triết học đã thúc đẩy các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam như Thích Trí Quang. Về khía cạnh này, bài báo “Cuộc Chấn Hưng Tôn giáo” của nhà sử học Edward Miller có thể được coi là một bức chân dung cân bằng hơn, mặc dù không hoàn toàn tích cực, về Thích Trí Quang với tư cách là “một người ủng hộ nhiệt thành các lý tưởng chấn hưng Phật giáo”. Miller không sai khi nhận định rằng sự cam kết đối với công cuộc Chấn hưng đã khuyến khích Trí Quang – nhà lãnh đạo Phật giáo có ảnh hưởng nhất miền Nam trong thời kỳ này – ưu tiên việc giải quyết vấn đề thống nhất Phật giáo và xây dựng một Phật giáo “dân tộc chủ nghĩa về mặt quan điểm và dần thân (vào) xã hội về mặt hoạt động”.¹¹ Đồng thời, qua lăng kính của Miller, Trí Quang được mô tả là một nhà lãnh đạo sắc sảo nhưng không linh hoạt, và không phải lúc nào cũng hành động phù hợp với các giá trị Phật giáo.¹² Miller thậm chí còn tin rằng “những hành động cực kỳ khiêu khích” của Trí Quang đã là nguyên nhân gây ra vụ thảm sát ngày 8 tháng 5 năm 1963.¹³ Tuy nhiên, việc tham cứu những bài viết bằng tiếng Việt của Thích Trí Quang lại giúp đưa ra một cách giải thích khác, cách giải thích có vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp ta hiểu một cách đầy đủ hơn thái độ đối lập của Phật giáo trong thời chiến.

¹⁰ McAllister, “Only Religions Count,” 760.

¹¹ Edward Miller, “Religious Revival and the Politics of Nation Building: Reinterpreting the 1963 ‘Buddhist Crisis’ in South Vietnam [Cuộc Chấn Hưng Tôn Giáo và Yếu Tố Chính Trị đằng sau Chương trình Xây Dựng Quốc Gia: Diễn Giải lại ‘Khủng hoảng Phật Giáo’ 1963 ở miền Nam Việt Nam],” *Modern Asian Studies* 49, Số 6 (2015): 1929.

¹² Miller mô tả Trí Quang là một người “không quan tâm đến việc thỏa hiệp” như Thích Tâm Châu. Miller, “Religious Revival,” 1938.

¹³ Miller, “Religious Revival,” 1931.

Thế giới quan của Thích Trí Quang

Thích Trí Quang là một tín đồ nhiệt tình và trung thành với tư tưởng Chấn Hưng Phật giáo của Thái Hư Đại Sư. Đối với ông, Phật giáo Việt Nam *chỉ có thể* tồn tại và phát triển nếu có tinh thần dân tộc, thống nhất, và gắn bó với xã hội. Sự sống còn của đất nước, con người và tôn giáo không thể tách rời, và bất kỳ chính sách nào đe dọa một trong ba đều đe dọa cả ba. Quả thực, niềm tin cốt lõi này đã là kim chỉ nam cho những hành động của Trí Quang, tức cũng là của Phong trào Phật giáo, trong và sau năm 1963. Cụ thể, Trí Quang xác định “thái độ của Phật giáo đối với Chính phủ” bao gồm ba đặc điểm chính. Thứ nhất, Phật giáo “không tán thành hay không chống đối Chính phủ, mà chỉ tán thành hay chống đối chính sách”. Thứ hai, những chính sách “tốt” mà Phật giáo ủng hộ là những chính sách “phù hợp với sự sinh tồn của Phật giáo và nhân dân Việt Nam”. Ngược lại, “những chính sách nhằm mục đích gây hậu quả phản lại sự sinh tồn của Phật giáo và dân tộc” sẽ không nhận được sự ủng hộ của Phật giáo. Cuối cùng, Phật giáo không nhằm mục đích “kiểm soát” chính phủ hay các cử chỉ chính trị của Phật tử. Thay vào đó, giới lãnh đạo Phật giáo chỉ đơn giản tìm cách “khuyên nhủ” cả hai.¹⁴

Nếu ta chấp nhận – như Edward Miller chấp nhận – cam kết “nhiệt tình” của Trí Quang đối với công cuộc Chấn Hưng Phật giáo, thì ta cũng phải xem những gì Trí Quang đã làm nhân danh Phật giáo *như là* những gì ông đã làm nhân danh đất nước và dân tộc Việt Nam. Thật vậy, tương tự Thái Hư, Trí Quang đã nỗ lực tìm cách “hòa hợp” lời dạy của Đức Phật với thế gian và thế gian với Đạo pháp. Nói cách khác, chỉ dịch thuật và cập nhật kinh Phật thôi thì chưa đủ, mà (người Phật tử) còn phải giúp chuyển hóa “thực tại” để nó trở nên tương thích hơn với các lý tưởng Phật giáo. Tiền đề này tiếp tục cho phép ta thách thức ba kết luận gây tranh cãi sau đây

¹⁴ Thích Trí Quang, *Tâm Ảnh Lục*, Quyển 1 (Huế: Tổng hội Tăng già Trung Phần, 1962), 4.

của McAllister về vị sư đầy ảnh hưởng này: thứ nhất, Thích Trí Quang bị ám ảnh bởi chủ nghĩa “bài Công giáo” cuồng tín; thứ hai, Trí Quang nhiệt thành chống Cộng đến mức chấp nhận bạo lực chống lại miền Bắc Việt Nam và dân thường ở đó; và thứ ba, Trí Quang không quan tâm đến hòa bình.’

Thích Trí Quang và Công giáo

Cả ba quan điểm trên đều mâu thuẫn sâu sắc với nguyên tắc bất bạo động và các giáo lý *Từ, Bi, Hỷ, Xả* mà Phật giáo xem là cốt lõi. Cụ thể hơn, kết luận (của McAllister) về lập trường “bài Công giáo” của Trí Quang trực tiếp phủ nhận những trao đổi công khai của vị thiền sư với các Phật tử đồng hương của mình. Một ví dụ của những trao đổi này là “Thư Gửi Huế” thường được trích dẫn của Thích Trí Quang. Bức tâm thư được in lần đầu tiên trên tờ báo *Lập Trường* có trụ sở tại Huế, vào ngày 23 tháng 5 năm 1964. Trí Quang viết bức thư này trong bối cảnh diễn ra các cuộc xung đột giữa Phật giáo và Công giáo ở Huế. Trong khi người Công giáo cho rằng họ đang bị gạt ra ngoài lề xã hội bởi các hành động “trả thù” của Phật tử đối với các cựu đảng viên Cần Lao, thì các Phật tử lại khẳng định chính họ đang bị “chế độ Diệm mà không có Diệm” – bấy giờ do Trung tướng Nguyễn Khánh đứng đầu – đàn áp ở Sài Gòn. Trong nửa đầu năm 1964, các tạp chí và nguyệt san Phật giáo đã đưa tin rộng rãi về độ phổ biến của việc nhiều Phật tử – đặc biệt là ở các tỉnh miền Trung – bị vây bắt và bắt giữ hàng loạt.¹⁵

Hơn nữa, mặc dù đã nhiều tháng trôi qua kể từ khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các chính phủ mới vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu của Phật giáo, bao gồm việc bồi thường cho gia đình các nạn nhân của vụ thảm sát tháng 5 năm 1963 và miễn trừ Phật giáo khỏi Dự

¹⁵ Thích Trí Quang, *Tâm Ảnh Lục*, 4.

số 10. Mặc dù Trí Quang cũng lớn tiếng than thở về thực tế này, ông vẫn kêu gọi Phật tử ngừng tham gia vào những xung đột đang diễn ra với người Công giáo. Trong thư gửi về Huế, Trí Quang viết:

Đạo chính quá dễ nhưng cách mệnh quá khó... [Người Phật tử phải] nỗ lực và nỗ lực một cách liên tục để chấm dứt những chính sách không phù hợp với sự sinh tồn của Dân tộc và Phật giáo, phát triển Phật giáo bằng sự thực hiện của bản thân mà không bằng cách làm thương tổn các tôn giáo khác, càng nêu cao đức tính Từ Bi bao nhiêu thì lại càng thực hiện đức tính Vô Úy bấy nhiêu: đó là “ý thức Phật tử”, đơn giản vô cùng nhưng khó khăn vô tận.¹⁶

Cuộc cách mạng mà Trí Quang ám chỉ chính là nỗ lực của Phật giáo nhằm đạt được điều mà “Cách mạng Tháng Mười Một” lẽ ra phải làm nhưng chưa bao giờ thực sự thành công: xóa bỏ chế độ độc tài và thiết lập bình đẳng tôn giáo ở miền Nam Việt Nam. Tuy rằng cuộc đảo chính đã lật đổ anh em nhà họ Ngô, nhưng các cựu cán bộ Cần Lao vẫn tiếp tục nắm giữ quyền lực, và những người Phật tử vẫn bị chế độ quân sự kế vị Diệm đàn áp. Trí Quang kêu gọi những người ủng hộ mình ở Huế phản đối những chính sách đàn áp này, nhưng đề nghị họ phải thực hiện điều đó mà không làm tổn hại đến các tôn giáo khác. Phật tử không những phải chấm dứt những ý tưởng gây tổn hại cho người Công giáo, mà còn phải tránh việc cạnh tranh với người Công giáo; thay vào đó, họ cần tập trung vào việc thực hiện lời dạy của Đức Phật:

Phật tử Huế... phải biết bình tĩnh nhưng cảnh giác đối với những âm mưu phá hoại bằng nhiều hình thức, thực hiện bởi nhiều cách thức, đã có và sẽ còn có nữa. Phật tử Huế phải biết rằng mình phải làm cho đạo mình “khác” đạo kẻ khác, chứ không phải làm cho đạo của mình “hơn” đạo kẻ khác – “khác” ở chỗ nêu cao và thể hiện cho được sự khoan hồng và độ lượng của đức tính Từ bi, dầu phải thiệt thòi đến cao độ.¹⁷

Do sự nổi tiếng của ông, đặc biệt là ở Huế, và việc ông hiếm khi phát biểu trước công chúng, những lời nhắn của Thích Trí Quang có sức nặng đáng kể đối với Phật tử miền Nam. Không giống như những gì McAllister tuyên bố, Trí Quang tin tưởng mạnh mẽ vào vị thế trung tâm của sự tha thứ, lòng nhân từ và vị tha đối với bản sắc và tâm linh Phật giáo. Vì trọng tâm của công

¹⁶ Thích Trí Quang, “Thư về Huế,” *Lập Trường*, Số 10, 23 tháng 5, 1964, 2.

¹⁷ Thích Trí Quang, “Thư về Huế,” 2.

cước Chấn Hưng là định hình thể giới trần thế *dựa theo các giá trị Phật giáo*, nên Trí Quang cũng tin tưởng mạnh mẽ rằng ông và những Phật tử theo ông cần phải sống dựa theo – và mưu cầu – những giá trị đó.

Một lý do khác khiến Trí Quang tìm kiếm – chứ không phải chối bỏ – sự hòa hợp giữa các tôn giáo là vì ông đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi “Chiếu Thư A-Dục-Vương” (“Edicts of Ashoka”). “Chiếu Thư A-Dục-Vương” là một tập hợp các văn tự cổ được khắc trên những cột tượng, phiến đá, và tường bởi A-Dục-Vương (Ashoka) Đại đế của Đế quốc Mauryan vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Ashoka đã tạo điều kiện cho Phật giáo truyền bá khắp châu Á cổ đại và, do đó, được coi là một nhân vật kiến tạo quan trọng trong lịch sử Phật giáo thế giới. Trong một bức thư gửi cho “Th”, một trí thức và một người bạn của mình ở Pháp vào đầu năm 1964, Trí Quang đề nghị Th tìm kiếm, trong “Chiếu Thư”, “thái độ của [Ashoka] đối với các giáo phái”, vì đó cũng là cơ sở hình thành quan điểm của Trí Quang về quan hệ giữa liên tôn.¹⁸ Không khó để nhận ra trích đoạn mà Trí Quang đề cập chính là “Đại Sắc lệnh Thứ 12” (“12th Major Rock Edict”), trong đó Ashoka kêu gọi sự hòa hợp giữa các phái bộ và tôn giáo như sau:

Lại nữa, bất cứ ai vinh danh giáo phái của mình hoặc chê bai giáo phái của người khác hoàn toàn chỉ vì lòng sùng mộ đối với giáo phái của mình, và với mục đích trưng bày nó dưới ánh sáng thuận lợi (cho mình), thì sẽ càng làm tổn hại giáo phái của chính mình một cách nghiêm trọng hơn. Vì vậy, sự hòa hợp cần được khuyến khích để con người có thể lắng nghe những nguyên tắc của nhau và tuân theo những nguyên tắc ấy.¹⁹

Hưởng ứng tinh thần của Ashoka, Trí Quang đã gửi thông điệp sau tới các Phật tử Việt Nam hải ngoại trong bức thư đến Th:

Phật tử bất cứ ở đâu, hãy phục vụ tổ quốc trên quan điểm dân tộc. Hãy khuyến khích sự phát triển các tôn giáo trong đó có tôn giáo của mình, nhưng không bằng sự cạnh tranh nhau mà bằng sự thực hiện giáo lý tôn giáo mình của chính mình. Đã và sẽ không bao giờ Phật giáo Việt Nam có sự kỳ thị tôn giáo.²⁰

¹⁸ Thích Trí Quang, “Thư của Thượng Tọa Trí Quang,” *Tin Tưởng*, Số 5-6, Tháng Một và Hai, 1964, 25.

¹⁹ Romila Thapar, *Asoka and the Decline of the Mauryas* [A-Dục-Vương và Sự Suy Tàn của Triều Đại Mauryas], Revised Edition ed. (Delhi: NXB Đại học Oxford, 1997), 255.

²⁰ Thích Trí Quang, “Thư Trí Quang,” 25.

Lời kêu gọi công khai yêu cầu các Phật tử tránh mọi sự cạnh tranh với người Công giáo này, một lần nữa, trực tiếp phản bác cáo buộc của CIA và Đại sứ quán Hoa Kỳ rằng Trí Quang là một người chống Công giáo cuồng tín. Đây là một kết luận rất có vấn đề mà sau này đã được James McAllister lặp lại và củng cố qua bài báo đã trích dẫn.

Ngoài việc đọc “Chiếu Thư”, Trí Quang còn khuyên Phật tử Việt Nam ở Pháp nên liên hệ và tham khảo ý kiến của hai bác sĩ người Đức theo đạo Thiên Chúa, những người – theo ông – là hình tượng “gương mẫu cho sự phục vụ chân lý không ranh giới tín ngưỡng”. Trí Quang nhấn mạnh: “Hãy tìm và gần họ, học họ. Loài người nếu có nhiều tín đồ như họ thì các tôn giáo đã không làm cho loài người khổ vì tôn giáo, hoặc hơn nữa, có khi mất tin tưởng về chính tôn giáo”.²¹ Người ta có thể suy đoán rằng một trong hai vị bác sĩ này là Bác sĩ Erich Wulff, từng là giảng viên Đại học Huế và một nhân chứng của vụ thảm sát ở Huế vào tháng 5 năm 1963. Sau sự kiện đó, Wulff đã viết bài, cũng như trả lời phỏng vấn quốc tế, về Phong trào Tranh đấu Phật giáo ở miền Nam Việt Nam. Tháng 4 năm 1964, hai tháng sau khi Trí Quang viết lá thư gửi Th, Wulff trở lại Sài Gòn. Sau đó, ông về thăm Huế cùng với hai Thượng tọa Thích Trí Quang và Thích Thiện Minh, bấy giờ là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh niên của Viện Hóa đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Trong phần giới thiệu Wulff tới đại chúng Phật tử, Trí Quang đã mô tả bác sĩ người Đức là một tấm gương đáng noi theo:

Bác sĩ [Wulff] thuộc một tôn giáo khác, Bác sĩ tin Chúa nhưng bác sĩ không chịu để cho tôn giáo tín ngưỡng của bất cứ ai bị chà đạp, vì Bác sĩ hiểu rằng khi tín ngưỡng kẻ khác không còn thì tín ngưỡng của chính mình cũng sắp bị cướp mất. Phật giáo Việt Nam biết ơn Bác sĩ.²²

Các bài phát biểu và giao tiếp trên đây của Trí Quang với Phật tử ủng hộ ông – những người góp phần lớn nhất vào việc quyết định bản chất và mức độ của lập trường đối lập của Phật giáo ở

²¹ Thích Trí Quang, “Thư Trí Quang,” 25.

²² “Phỏng vấn B.S. Erich Wulff,” *Liên Hoa*, Số 3-4, 26 tháng 5, 1964, 89-99.

miền Nam Việt Nam – chắc chắn làm phức tạp thêm cách giải thích hiện có (của CIA và McAllister): rằng vị thiền sư có ảnh hưởng này là một nhà mị dân phi lý, một người chỉ bận tâm với việc xóa bỏ ảnh hưởng Công giáo ra khỏi đời sống chính trị và tinh thần của người dân miền Nam.

Thích Trí Quang và Chủ nghĩa Cộng sản`

Thích Trí Quang nhiều lần cảnh báo Phật tử không nên xung đột với người Công giáo không chỉ vì lý do đạo đức, tôn giáo, mà còn vì lý do chính trị và chiến lược. Hơn ai hết, vị thiền sư hiểu rằng phong trào “*chup mũ*” đã và đang lan tràn rộng rãi ở miền Nam trong thời kỳ hậu Diệm. Bất kỳ hành động tiêu cực nào từ phía Phật tử – dù nhằm vào người Công giáo, Hoa Kỳ hay chính quyền Sài Gòn – đều có thể dễ dàng bị sử dụng làm cớ để phi pháp hóa toàn bộ cuộc đấu tranh của Phật giáo. Đồng thời, Trí Quang nhận thức được rằng người Phật tử cũng phải tránh trở thành con tốt của những người Cộng sản và của Mặt Trận Dân Tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMN). Ranh giới mong manh mà Phật giáo Việt Nam phải bước đi trong thời kỳ hỗn loạn này đòi hỏi sự tự kiểm duyệt, tự chủ, và quyết tâm lớn lao từ các nhà lãnh đạo Phật giáo nói riêng, cũng như tín đồ Phật giáo nói chung. Vì vậy, bất cứ ai muốn đánh giá luận điệu “chống Cộng” của Trí Quang (như đã được ghi lại trong những cuộc nói chuyện riêng của ông với các quan chức Hoa Kỳ), cũng đều cần phải phân tích luận điệu đó trong bối cảnh nhạy cảm nói trên.

Theo bài báo của McAllister, Thích Trí Quang đã để lại cho một quan chức Đại sứ quán Mỹ bấy giờ, J.D. Rosenthal, ấn tượng rằng nhà sư không có “bất kỳ nghi ngại về mặt luân lý hay

đạo đức nào về các vụ đánh bom” chống lại miền Bắc Việt Nam vào năm 1965. Thay vào đó, Trí Quang chỉ “có vẻ lo lắng” rằng các vụ đánh bom có thể “đã chưa đủ quyết liệt”.²³ Khi bắt gặp bằng chứng cho thấy việc Trí Quang (có vẻ) ủng hộ các cuộc không kích chống lại miền Bắc Việt Nam có thể chỉ là lời nói khoa trương và một động thái chiến lược, McAllister lại thẳng thừng bác bỏ các bằng chứng này. Ví dụ, các tác phẩm của Mark Moyar, Richard Critchfield, và Marguerite Higgins trích dẫn lời của chuyên gia chống du kích người Anh Robert Thompson.²⁴ Trong đó, Thompson nhấn mạnh rằng Trí Quang đã nói với người Pháp là “ông ấy chỉ đang cố xoa dịu những nghi ngờ của [Tướng Maxwell] Taylor để có thể rảnh tay tiếp tục chiến dịch vì hòa bình bí mật của mình”. McAllister cho rằng bằng chứng này “khó có thể tin được vì [Trí Quang] luôn có quan điểm chống Pháp cực đoan [nên ông ta sẽ không bao giờ thổ lộ điều gì thật lòng với người Pháp]”. Điều kỳ lạ là McAllister lại tin như thật mọi điều mà Trí Quang nói với người Mỹ, như thể Trí Quang không bị ràng buộc gì trong việc giao tiếp với các quan chức Hoa Kỳ.²⁵

Tuyên bố của McAllister rằng Thích Trí Quang đã hoan nghênh việc mạnh mẽ sử dụng bạo lực chống lại miền Bắc Việt Nam, bao gồm tiêu diệt cả các mục tiêu dân sự, hầu như không được xác minh bởi các bài viết và bài phát biểu của Trí Quang.²⁶ Tuy nhiên, đặt nghi vấn về tính xác thực của những lập luận mà McAllister đưa ra và mục đích thực sự trong các phát biểu của Trí Quang không có nghĩa là phủ nhận thái độ chống Cộng của nhà lãnh tụ Phật giáo. Tương tự Thái Hư Đại sư, Trí Quang có thể đã hoàn toàn đồng ý với lý tưởng và mục tiêu bình đẳng mà

²³ McAllister, “Only Religions Count,” 773.

²⁴ Xem Higgins và Moyar, nguồn đã dẫn; Richard Critchfield, *The Long Crusade: Political Subversion in the Vietnam War* (New York: Harcourt, Brace & World, 1968).

²⁵ McAllister, “Only Religions Count,” 774.

²⁶ McAllister, “Only Religions Count,” 773. McAllister trích dẫn tuyên bố của Đại sứ quán Mỹ rằng Trí Quang “đã hết lòng ủng hộ Chiến dịch (đội bom miền Bắc) Sấm Rền” như là một động thái cần thiết để “đáp trả chiến dịch tổng tấn công miền Nam và chống lại nhân dân của Việt Cộng”. Ở trang 766, McAllister trích dẫn một bức điện của Đại sứ quán gửi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, báo cáo rằng sau khi đánh bại Hiến chương Vũng Tàu, Trí Quang đã cho rằng Phật tử “có thể bắt đầu hướng những nỗ lực trọng tâm của họ sang việc chống lại chủ nghĩa cộng sản” ở Đông Nam Á.

Chủ nghĩa Cộng sản hướng tới trên mặt lý thuyết, nhưng ông bác bỏ phương tiện đạt được mục tiêu đó thông qua cách mạng bạo lực. Hơn nữa, giống như các nhà lãnh đạo Phật giáo đồng hương của mình, Trí Quang không đồng tình với quan niệm cố hữu của Cộng sản về cách mạng. Đối với những người Phật tử này, gốc rễ sâu xa của những đau khổ và xung đột trong cuộc sống nằm ở ý thức của mỗi cá nhân, chứ không phải ở ý thức của một giai cấp hay quốc gia cụ thể. Theo họ, tất cả các cuộc cách mạng trước đó đều thất bại vì chúng đặt ý thức hệ lên trên con người, trong khi trên thực tế, chính cái trước (ý thức hệ) đã nô dịch cái sau (con người) và thuyết phục con người “hy sinh cho một tương lai hão huyền mà quên đi hiện tại sống động”.²⁷ Hòa thượng (bấy giờ là Thượng tọa) Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại học Phật giáo Vạn Hạnh và là người từng theo học với Trí Quang, giải thích quan điểm này trong tác phẩm *Trước Sự Nô lệ của Con Người* như sau:

Chủ nghĩa quốc gia, cũng như chủ nghĩa quốc tế, không giải quyết được sự mâu thuẫn của ý thức con người... Tất cả những cuộc cách mạng lịch sử đều thất bại, vì những cuộc cách mạng ấy đã xây dựng trên những tương quan sai lầm bất đồng giữa cá thể và tập thể, giữa tư thể và xã hội. Chỉ có một cuộc cách mạng quan trọng và có ý nghĩa, đó là cuộc cách mạng nội tâm của cá thể sáng tạo. Cách mạng nội tâm là cuộc cách mạng ý thức, của tư tưởng toàn diện trong con người.²⁸

Đối với các nhà lãnh đạo Phật giáo như Trí Quang và Minh Châu, giáo dục – chứ không phải bạo lực – mới là phương tiện hiệu quả nhất để tiến hành cuộc cách mạng này.

Năm 1966, Thích Trí Quang trả lời phỏng vấn của tạp chí sinh viên *Tình Thương*, trong đó ông so sánh Cộng sản với “lá vàng” và Mỹ với “gió”. Ông nhấn mạnh miền Nam chỉ nên coi cái sau là công cụ tạm thời để “thổi bay” cái trước, chứ không nên chấp nhận nó như một thực tế thường trực của cuộc sống. Bình luận về Chủ nghĩa Cộng sản, Trí Quang so sánh ý thức hệ này với “những chiếc lá vàng đóng đinh” chứ không phải là “những chiếc lá vàng lợp mái nhà” vô

²⁷ Thích Minh Châu, *Trước Sự Nô Lệ của Con Người: Con Đường Thử Thách của Văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần 2, (Sài Gòn: Đại học Vạn Hạnh, 1970), 23.

²⁸ Thích Minh Châu, *Trước Sự Nô Lệ*, 23-24.

hại.²⁹ Người ta có thể rút ra từ sự so sánh này cả thái độ thận trọng cực độ của Trí Quang đối với Chủ nghĩa Cộng sản, *lẫn* sự thừa nhận của ông rằng Chủ nghĩa Cộng sản, dù tốt hay xấu, vẫn giữ được vị thế quan trọng trong lòng nhiều người dân Việt Nam do những đóng góp lịch sử của người Cộng sản vào công cuộc giải phóng đất nước khỏi ách thuộc địa. Do đó, (Trí Quang cho rằng) sẽ là điều có lợi cho chính quyền Sài Gòn nếu chính quyền chịu thừa nhận và cân nhắc thật nghiêm túc mối liên hệ mật thiết trên, và tổ chức một Quốc hội dân cử có khả năng đại diện cho miền Nam Việt Nam trong các cuộc đàm phán tiềm năng với Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Hà Nội.

Bất chấp thái độ chống Cộng này (mà cuối cùng đã lắng xuống khá nhiều trong những năm sau đó), chưa có tư liệu nào – ngoài cuộc trò chuyện riêng của Trí Quang với Đại sứ quán Mỹ mà McAllister trích dẫn – cho thấy Trí Quang chấp thuận việc sử dụng bạo lực. Mâu thuẫn khó hiểu này buộc người ta phải tự hỏi: liệu có phải tuyên bố ủng hộ bạo lực đó *đã chỉ là cách để* nhà sư “tiếp tục chiến dịch bí mật vì hòa bình” của ông như Robert Thompson đã khẳng định hay không? Ở đây, một ví dụ khác về sự không nhất quán giữa hồ sơ của Đại sứ quán (về Trí Quang) và các tuyên bố công khai của Trí Quang còn được phản ánh qua một kết luận khác của McAllister, rằng nhà sư đã “bác bỏ án khoan hồng” đối với Thiếu tá Đặng Sĩ và Ngô Đình Cẩn trong các phiên tòa xét xử hai nhân vật này vào giữa năm 1964. Trái ngược với tuyên bố của McAllister, tờ báo *Lập Trường* và các tạp chí Phật giáo khác đều đăng tải bức thư ngỏ của Trí Quang kêu gọi khoan hồng trước phiên tòa xét xử Đặng Sĩ nhân dịp Đại lễ Phật đản năm 1964.³⁰ Trong đó, Trí Quang viết:

Phật giáo chỉ muốn pháp luật phải xét xử bằng một bản án nghiêm minh để răn đe những kẻ gây thêm tội lỗi về sau, nhưng Phật giáo không muốn đổ máu thêm nữa dầu máu của Phật tử đã đổ ra nhiều đến bao nhiêu. Do đó mà tôi, với tư cách là người liên hệ trực tiếp

²⁹ Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy, “96 Phút với Thượng Tọa Trí Quang,” *Tình Thương*, Số 29, Tháng Năm, 1966.

³⁰ Nguyên Ân, “Thư Nhận định Tình trạng Phật giáo sau ngày 1.11.1963,” *Tin Tưởng*, Số 9-10, Tháng Năm và Sáu, 1964, 23 và 32-34.

với các Thánh tử vì Phật pháp tối ngày Phật đản 2507, xin phép nói lên tiếng nói khoan hồng mà Phật giáo đã tuyên bố, đối với ông Đặng Sĩ... Tôi thiết nghĩ Phật giáo có thể lên tiếng khoan hồng ông Đặng Sĩ vì tội của ông phạm là đối với Phật tử và Phật giáo.

Trí Quang sau đó kết thúc bức thư bằng lời cầu nguyện cho hòa bình: “Xin đem công đức này cầu nguyện cho nền hòa bình của đất nước và niềm tương thân của dân tộc”.³¹

Thích Trí Quang và Hòa Bình`

Câu trích dẫn trên cũng trực tiếp thách thức lập luận gây tranh cãi và thái quá nhất của McAllister: rằng Trí Quang không quan tâm đến hòa bình. McAllister trích dẫn nguồn tiếng Việt duy nhất mà ông sử dụng trong bài viết của mình, bức thư gửi về Huế của Trí Quang trên báo *Lập Trường*, làm bằng chứng cho lập luận trên: nhà sư, McAllister viết, “thậm chí chưa bao giờ đề cập đến chiến tranh” trong bức thư đó.³² Trí Quang nổi tiếng là người luôn ngắn gọn, súc tích trong cả văn viết và lời nói. Việc Trí Quang chọn tập trung vào vấn đề hiện tại – cuộc xung đột đang diễn ra giữa Phật giáo và Công giáo – trong “Thư Gửi Huế” không có gì đáng ngạc nhiên. Điều không thể chối cãi là trong những tuyên bố công khai khác của mình, Trí Quang đã nói rất nhiều về hòa bình, đặc biệt là về tiềm năng của Phật giáo trong việc đóng vai trò là lực lượng mang đến hòa bình. Trong tiểu luận “Vô Đề”, Trí Quang nhắc lại lịch sử ít đổ máu của Phật giáo và sự thật là, với Trí Quang, bảo vệ Phật giáo cũng đồng nghĩa với bảo vệ hòa bình:

Suốt hơn 25 thế kỷ qua, Phật giáo chưa bao giờ làm đổ một giọt máu nhân loại nào, [mà chỉ cố gắng] xóa bỏ tư tưởng giai cấp, ý thức phân biệt chủng tộc, loại trừ triệt để tâm lý độc ác, toan tính. Là một lực lượng chuyển động, Phật giáo là nỗi kinh hoàng đối với mê tín, là thế lực hủy diệt một xã hội đau khổ, là yếu tố xây dựng một tương lai tươi sáng.

³¹ Thích Trí Quang, “Thư Ngỏ của Thượng Tọa Trí Quang về Vụ Án Ông Đặng Sĩ,” *Lập Trường*, Số 9, 16 tháng 5, 1964.

³² McAllister, “Only Religions Count,” 766.

Tổng chi, Phật giáo là một tôn giáo hoàn toàn có khả năng xây dựng và duy trì hòa bình.³³

Nói cách khác, mỗi khi Trí Quang nói đến việc bảo vệ Phật giáo, ông cũng hàm ý mong muốn hòa bình. Người ta cũng có thể nhận thấy tầm quan trọng của hòa bình trong tâm trí Trí Quang ngay trong “Lời Tựa” mà ông viết cho “Hiển Chương Phật giáo” năm 1964: “Công bố lý tưởng *hòa bình*, Phật giáo *không* đặt sự tồn tại của mình ngoài sự tồn tại của dân tộc”.³⁴

Lý do thứ hai được McAllister viện dẫn để chứng minh hòa bình không phải là một trong những động cơ chính của Trí Quang là việc Trí Quang đã hoan nghênh, thay vì phản đối, sự can thiệp của Mỹ vào năm 1965. Theo McAllister, điều này được phản ánh trong lời nhận xét của Trí Quang rằng “không hề có chủ nghĩa bài Mỹ trong Phật giáo”.³⁵ Thế nhưng, như chính Trí Quang đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, “chống Mỹ” (“opposing America”) khác với “bài Mỹ” (“being anti-American”). Nói cách khác, Phật giáo không nuôi dưỡng tình cảm bài Mỹ không có nghĩa là Phật giáo không phản đối nỗ lực chiến tranh của Mỹ, nhất là khi quyết tâm chiến tranh của Washington đe dọa sự tồn vong của đất nước và dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, McAllister cho rằng Trí Quang thờ ơ với hòa bình vì ông “hiếm khi tỏ ra ủng hộ một miền Nam Việt Nam trung lập hoặc theo đuổi bất kỳ cuộc đàm phán nào với MTDTGPMNVN trước khi Mỹ và Chính phủ Việt Nam chiếm thế thượng phong trên chiến trường”.³⁶ Lập luận này, mặc dù thoát đầu có vẻ hợp lý, lại là một tiền đề thiếu sót, vì nó được đúc kết dựa trên giả định rằng Trí Quang *đã có thể* hành động hoặc lên tiếng phản đối chiến tranh vào thời điểm mà *chiến tranh là chính sách chính thức của Washington*. Các quan chức Mỹ sẽ nhìn nhận Trí Quang như thế nào nếu ông công khai bày tỏ mong muốn hòa bình? Như Trí Quang thừa nhận trong hồi ký của mình:

³³ Thích Trí Quang, *Tâm Ảnh Lục*, 177-78.

³⁴ Thích Trí Quang, *Trí Quang Tự Truyện*, 17.

³⁵ McAllister, “Only Religions Count,” 771.

³⁶ McAllister, “Only Religions Count,” 755.

[Cường] độ chiến tranh khiến Phật giáo phải chống chiến tranh... Sau một cuộc họp của Phật Giáo, tôi nói với người Mỹ rằng Phật giáo phải chính thức vận động hòa bình. Người Mỹ nói với tôi rằng hòa bình là chiến tranh tàn rụi dần đi. Quan điểm tương phản đến mức đó nên phải có vụ 1966...³⁷

Tóm lại, khi phân tích quan điểm của Thích Trí Quang trong lịch sử, rất cần phải đặt những phát ngôn và hành động của Trí Quang trong một bối cảnh mà không những việc chụp mũ Cộng sản là một thực tiễn phổ biến, mà chiến tranh còn đang bị Mỹ hóa và gia tăng theo cấp số nhân.

Về vấn đề này, một điều thú vị là McAllister lại tuyên bố rằng có hai vị sư Phật giáo khác đã thể hiện cam kết ủng hộ hòa bình mạnh mẽ hơn Trí Quang: Thích Quảng Liên, người từng tốt nghiệp Đại học Yale, và nhà sư chống Cộng nổi tiếng Thích Tâm Châu. Cụ thể, McAllister viết rằng Quảng Liên kêu gọi chủ nghĩa trung lập và “sự rút quân của cả lực lượng Mỹ và Việt Cộng khỏi miền Nam Việt Nam”, một đề xuất đã nhanh chóng bị tất cả các nhà lãnh đạo Phật giáo cấp cao, ngoại trừ Tâm Châu, bác bỏ.³⁸ Tuy nhiên, người ta có thể lập luận rằng chính nỗi sợ hãi về việc gia tăng chiến tranh – chứ không phải là sự thờ ơ với hòa bình – đã dẫn đến sự bác bỏ đó. Ban lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, đặc biệt là Thích Trí Quang, đã hơn một lần đề cập đến mối quan ngại của họ về một giải pháp trung lập có tính chất tương tự như Hiệp định Quốc tế về Trung lập Lào năm 1962.

Vào ngày 23 tháng 7 năm 1962, dưới sự khởi xướng của Tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy, 14 quốc gia đã ký kết Tuyên bố chấm dứt cuộc nội chiến đang diễn ra giữa Chính phủ Hoàng gia Lào do Hoa Kỳ hậu thuẫn và Pathet Lào do phe Cộng sản lãnh đạo. Về mặt lý thuyết, Hiệp định thành lập một chính phủ liên minh gồm ba thành phần ở Lào và yêu cầu tất cả các bên tôn trọng tính trung lập của Lào. Tuy nhiên, hiệp định đã không được thực thi, sau khi bị Hoa

³⁷ Thích Trí Quang, “Tiểu Truyện Tự Ghi,” *Thư viện Hoa Sen*, October 4, 2010, <https://thuvienhoasen.org/a14734/tieu-truyen-tu-ghi-hoa-thuong-thich-tri-quang>.

³⁸ McAllister, “Only Religions Count,” 765-73. Nguyên văn: “Khi được một quan chức Đại sứ quán hỏi liệu đề xuất của ông có được sự ủng hộ của giới lãnh đạo Phật giáo hay không, Liên trả lời rằng nó chỉ có được sự ủng hộ của nhà sư được cho là ‘ôn hòa,’ Tâm Châu”.

Kỳ, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Liên Xô và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vi phạm gần như ngay lập tức.³⁹ Chiến tranh tiếp tục diễn ra ở Lào sau khi hiệp định được ký kết, với sự leo thang can dự của cả những người Cộng sản và những người chống Cộng. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi Trí Quang và những lãnh đạo Phật giáo khác muốn tránh một số phận tương tự cho miền Nam Việt Nam vào thời điểm đó.

Quan trọng hơn, nếu như lời kêu gọi cả Hoa Kỳ và MTTGPMN đồng loạt rút quân của Quảng Liên được thực hiện, nó sẽ khiến *cả hai phe* bị đánh đồng như những kẻ ngoại xâm, xâm lược miền Nam Việt Nam. Đây là một cách nhìn mà không phải ai trong hàng ngũ lãnh đạo – và tín đồ – của GHPGVNTN cũng tán thành. Những nhà sư miền Nam, như Thượng tọa Viện trưởng Viện Hóa Đạo Thích Thiện Hoa, có nhiều thiện cảm với chủ nghĩa dân tộc của MTTGPMN hơn cả Trí Quang lẫn Quảng Liên. Trên thực tế, đề xuất của Quảng Liên phản ánh một cách nhất quán lập trường chống Cộng và thân Mỹ của nhà sư này, bởi vì việc loại bỏ cả lực lượng quân đội Hoa Kỳ và MTTGPMN khỏi lãnh thổ miền Nam Việt Nam sẽ khiến chính quyền Sài Gòn trở thành đại diện hợp pháp duy nhất của VNCH. Về điểm này, ngay cả Trí Quang cũng không đồng tình (với Quảng Liên). Trong cuộc phỏng vấn với báo *Tình Thương* năm 1966, Trí Quang đã nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết thành lập một Quốc hội *dân cử* đủ khả năng đại diện thực sự cho người dân miền Nam Việt Nam: “Chỉ biết rằng chính quyền hiện tại chẳng đại diện cho một ai và hậu quả [của sự thiếu chính danh đó] là hiện trạng vô cùng bi thảm về chính trị cũng như quân sự”.⁴⁰

³⁹ Cụ thể hơn, Bắc Việt tiếp tục đóng quân ở Lào để duy trì đường tiếp tế dọc theo một đoạn Đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua phần phía đông của Lào. Liên Xô và Trung Quốc tiếp tục cung cấp vũ khí cho Pathet Lào, trong khi Mỹ bắt đầu chiến dịch ném bom tàn khốc để hỗ trợ Chính phủ Hoàng gia Lào và Việt Nam Cộng hòa. Bản thân Pathet Lào cũng bắt đầu tiến hành tiêu diệt những người theo chủ nghĩa trung lập và ngay lập tức trở thành một ứng cử viên chính trong việc tranh giành quyền lực ở Lào.

⁴⁰ Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy, “96 Phút,” 3. Ngoài ra, McAllister còn nhấn mạnh rằng việc Trí Quang ủng hộ việc thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo trong Quân Lực VNCH cũng chứng tỏ sự ủng hộ của Trí Quang đối với chiến tranh. Đây đơn giản là một kết luận vô căn cứ. Ngoài việc Trí Quang không phải là người đầu tiên, cũng không phải là người duy nhất, tán thành ý kiến thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo, thì phần lớn binh sĩ QLVNCH là

Tóm lại, một số lý tưởng đặc trưng làm nên thế giới quan của Thích Trí Quang là: sự ủng hộ hòa hợp, hòa giải giữa các tôn giáo, thái độ nghi ngờ chủ nghĩa Cộng sản, cam kết phản đối chiến tranh và bạo lực, ước mong hòa bình, và niềm tin bền bỉ vào mối liên hệ mật thiết giữa số phận của đất nước Việt Nam và của Phật giáo Việt Nam. Dưới góc nhìn này, thế giới quan của Thích Trí Quang nhất quán với lý tưởng Chấn Hưng Phật giáo mà ông vừa kế thừa từ Thái Hu Đại sư, vừa giúp biến thành công cụ xây dựng và bảo vệ sự sinh tồn của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam trong biển lửa chiến tranh.

Nguyễn Thùy An tốt nghiệp Cử nhân kép ngành Kinh tế và Quan hệ Quốc tế tại Đại học Capital, và Thạc sĩ và Tiến sĩ Sử học tại Đại học Maine, Hoa Kỳ. Công việc nghiên cứu, giảng dạy, và các ấn phẩm đã xuất bản của Thùy An tập trung vào chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ (U.S. foreign relations), hòa bình và giải quyết xung đột (peace and conflict resolution), giới và phụ nữ học (gender and women's studies), giáo dục lao động (labor education), và lịch sử Việt Nam và Á châu thế kỷ 20. Cô hiện nghiên cứu và giảng dạy tại Đại học Maine.

Phật tử, đồng nghĩa với việc mong muốn được hỗ trợ tinh thần của họ phải được GHPGVNTN thừa nhận. Trong lễ cầu nguyện tại chùa Diệu Đế ngày 24-10-1964, đại diện Phật tử thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh đọc diễn văn bày tỏ lòng biết ơn đối với văn phòng mới này: “Viện Hóa Đạo đã có những thỏa hiệp để thúc đẩy Chính phủ đồng ý cho phép tổ chức và vận hành một Nha Tuyên Úy Phật giáo trong QLVNCH”.